

BẢNG MINH HỌA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ AIA (Việt Nam)

("AIA Việt Nam")

Nghệp vụ: Bảo hiểm liên kết đầu tư

Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung AN PHÚC TRỌN ĐỜI ƯU VIỆT

Bạn có thể chủ động kết hợp linh hoạt giữa hai yếu tố tiết kiệm và yếu tố bảo vệ theo nhu cầu bản thân, giúp bạn yên tâm hoạch định và thực hiện kế hoạch tài chính một cách hiệu quả.

Tiết kiệm hiệu quả

- ✓ Thường duy trì hợp đồng vào ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 10, 15 và 20.
- ✓ Hưởng lãi từ kết quả đầu tư theo mức lãi suất tích lũy được AIA Việt Nam công bố hàng tháng và không thấp hơn mức lãi suất cam kết.

Bảo vệ tài chính trọn đời và toàn diện

- ✓ Bảo vệ trước những rủi ro không lường trước được trong cuộc sống như: Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn, Ung thư, tử vong.
- ✓ Tăng số tiền bảo hiểm vào các thời điểm bước ngoặt cuộc đời (kết hôn, sinh con) mà không cần bằng chứng sức khỏe, tài chính.
- ✓ Lựa chọn tham gia các sản phẩm Bảo hiểm bổ sung/ Bảo hiểm bán kèm để bảo vệ toàn diện trước các rủi ro bệnh hiểm nghèo, chăm sóc sức khỏe, thương tật do tai nạn.

Linh hoạt đáp ứng nhu cầu

- ✓ Linh hoạt đầu tư thêm hoặc rút tiền trong những trường hợp cần thiết.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam) hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và đầu tư tài chính theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 16GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 14 tháng 7 năm 2008; Vốn điều lệ: 8.724,420 tỷ đồng; Địa chỉ trụ sở chính tại Tòa nhà Saigon Centre tháp 2, 67 Đường Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (84-28) 3830 3333; Trung tâm dịch vụ khách hàng, điện thoại: (84-28) 3812 2777, email: vn.customer@aia.com

Thông tin chi tiết về địa chỉ Văn phòng/ Trung tâm dịch vụ khách hàng, khách hàng vui lòng tham khảo tại đường dẫn: <https://www.aia.com.vn/vi/dich-vu/van-phong-giao-dich.html>

THÔNG TIN ĐẠI LÝ BẢO HIỂM CÁ NHÂN

Đại lý bảo hiểm

Họ và tên

.....

Mã số đại lý

.....

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Bên mua bảo hiểm

Họ và tên

Nguyễn Văn A

Giới tính

Nam

Tuổi

18

Nghề nghiệp

Văn Phòng

Bên mua bảo hiểm (tổ chức)

Tên tổ chức

.....

Giấy phép thành lập và hoạt động

.....

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị: đồng

Sản phẩm	Người được bảo hiểm (NDBH)	Tuổi tham gia	Giới tính	Nghề nghiệp	Thời hạn bảo hiểm tối đa (năm)	Thời hạn đóng phí tối đa (năm)	Thời gian đóng phí dự kiến (năm)	Mức thâm định	Số tiền bảo hiểm (STBH)	Phí bảo hiểm hàng năm
<i>Bảo hiểm nhân thọ (BHNT)</i>										
Bảo hiểm Liên kết chung An Phúc Trọn Đời Ưu Việt – Quyền lợi bảo hiểm nâng cao	Nguyễn Văn A	18	Nam	Văn Phòng	82	82	18	Chuẩn	1.500.000.000	25.000.000

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 2 | 26

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

Định kỳ đóng phí	Năm	Nửa năm	Quý	Tháng
Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm BHNT	25.000.000	-	-	-
Phí bảo hiểm các sản phẩm BHBS/ BHBK	-	-	-	-
Tổng phí bảo hiểm định kỳ	25.000.000	-	-	-
Phí tích lũy dự kiến (^):	-	-	-	-

Định kỳ đóng phí dự kiến: Năm

Lưu ý:

- Kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023, các sản phẩm bảo hiểm được bán kèm với bảo hiểm nhân thọ được Bộ Tài chính phê chuẩn sẽ sử dụng thuật ngữ sản phẩm “Bảo hiểm bán kèm”.
 - Sản phẩm “Bảo hiểm bổ sung” đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trước ngày 01 tháng 07 năm 2023 vẫn tiếp tục được sử dụng thuật ngữ này trong Hợp đồng bảo hiểm.
 - Tổng phí bảo hiểm (Phí BH) theo định kỳ hiển thị là phí bảo hiểm theo định kỳ đã chọn trong năm hợp đồng đầu tiên và yêu cầu phải được đóng đủ.
 - Thời gian đóng phí bảo hiểm cơ bản bắt buộc của sản phẩm BHNT là 4 năm hợp đồng đầu tiên. Trong thời gian này, hợp đồng sẽ được đảm bảo duy trì hiệu lực với điều kiện quy định trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm.
 - Từ năm hợp đồng thứ 5 trở đi, trong trường hợp phí bảo hiểm của sản phẩm BHBS/BHBK (nếu có) không được đóng đủ khi hết thời gian gia hạn đóng phí, khoản phí bảo hiểm này sẽ được khấu trừ từ giá trị tài khoản hợp đồng của sản phẩm BHNT với sự đồng ý của khách hàng. Nếu giá trị tài khoản hợp đồng của sản phẩm BHNT không đủ để khấu trừ phí bảo hiểm của sản phẩm BHBS/BHBK, các sản phẩm BHBS/BHBK này sẽ mất hiệu lực.
 - Trường hợp khách hàng không đồng ý việc khấu trừ giá trị tài khoản hợp đồng của sản phẩm BHNT để đóng phí cho sản phẩm BHBS/BHBK và không đóng đủ phí bảo hiểm cho các sản phẩm BHBS/BHBK trước khi kết thúc thời gian gia hạn, các sản phẩm này sẽ chấm dứt hiệu lực và không được khôi phục.
 - Khách hàng truy cập trang thông tin điện tử www.aia.com.vn để tham khảo quy tắc điều khoản và công cụ tính toán của sản phẩm bảo hiểm.
- (^) Phí tích lũy dự kiến cho năm đầu, phí tích lũy cho những năm sau sẽ được minh họa ở trang minh họa của sản phẩm BHNT.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 3 | 26

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠM THỜI

Nếu NDBH tử vong do tai nạn trong thời gian bảo hiểm tạm thời, khách hàng sẽ nhận 100.000.000 đồng hoặc tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm (HSYCBH) của cùng một NDBH, tùy số nào nhỏ hơn. Trong trường hợp tổng phí bảo hiểm đầu tiên đã đóng (tổng phí bảo hiểm tạm tính tại thời điểm nộp HSYCBH) của tất cả các hồ sơ yêu cầu bảo hiểm của cùng NDBH lớn hơn 100.000.000 đồng thì chúng tôi sẽ hoàn lại tổng phí bảo hiểm đầu tiên đã đóng, không có lãi, sau khi đã trừ các chi phí kiểm tra y tế, nếu có.

Thời hạn bảo hiểm tạm thời bắt đầu từ khi BMBH hoàn tất HSYCBH và đóng đủ khoản phí đầu tiên và kết thúc vào ngày Công ty cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc từ chối chấp nhận bảo hiểm hoặc BMBH yêu cầu hủy bỏ HSYCBH, tùy ngày nào đến trước.

Trong trường hợp bảo hiểm tạm thời được chấp thuận chi trả, chúng tôi sẽ không có nghĩa vụ hoàn lại phí bảo hiểm đầu tiên đã đóng.

Bảo hiểm tạm thời sẽ không được chi trả trong trường hợp NDBH tự tử, dù trong trạng thái tinh táo hay mất trí. Trong trường hợp này chúng tôi sẽ hoàn lại tổng phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi, sau khi trừ đi chi phí kiểm tra y tế, nếu có.

QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BHNT

1. Quyền lợi NDBH tử vong (quyền lợi được bảo đảm)

Nếu NDBH tử vong, khách hàng sẽ nhận được tổng của:

- ✓ Giá trị tài khoản của hợp đồng được tính tại thời điểm tử vong; và
- ✓ Số tiền bảo hiểm (STBH) hiện tại được tính tại thời điểm tử vong.

Trừ đi quyền lợi bảo hiểm ung thư đã được chi trả trước đó (nếu có).

2. Quyền lợi khi NDBH tử vong do tai nạn (quyền lợi được bảo đảm)

Ngoài quyền lợi khi NDBH tử vong, khách hàng sẽ nhận được thêm 100% STBH hiện tại nếu NDBH tử vong do tai nạn trước khi tròn 65 tuổi nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện liên quan đến quyền lợi tử vong do tai nạn được quy định trong Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm. Tổng quyền lợi bảo hiểm tử vong do tai nạn của tất cả các HDBH với chúng tôi mà một Người được bảo hiểm được hưởng bao gồm cả Quyền lợi được hưởng thêm này không vượt quá hạn mức tối đa theo quy định nêu tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

Lưu ý: Quyền lợi liên quan đến tử vong do tai nạn tối đa theo quy định của Công ty hiện tại là 10 tỷ đồng.

3. Quyền lợi đối với NDBH không hút thuốc lá (quyền lợi được bảo đảm)

Ngoài quyền lợi khi NDBH tử vong, khách hàng sẽ được nhận thêm 10% STBH hiện tại nếu vào thời điểm tử vong NDBH từ 15 (mười lăm) tuổi trở lên và được xác định không hút thuốc lá.

4. Quyền lợi khi NDBH bị Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTB&VV) (quyền lợi được bảo đảm)

Nếu NDBH bị TTTB&VV trước khi tròn 70 tuổi, khách hàng sẽ nhận được tổng của:

- ✓ Giá trị tài khoản của hợp đồng được tính tại thời điểm TTTB&VV; và
 - ✓ Số tiền bảo hiểm (STBH) hiện tại được tính tại thời điểm TTTB&VV..
- Trừ đi quyền lợi bảo hiểm Ung thư đã được chi trả trước đó (nếu có).

5. Quyền lợi khi NDBH mắc bệnh Ung thư (quyền lợi được bảo đảm)

Khách hàng sẽ nhận trước 25% Số tiền bảo hiểm hiện tại của quyền lợi bảo hiểm tử vong nếu NDBH mắc bệnh Ung thư trước khi tròn 65 tuổi.

Tổng quyền lợi bảo hiểm liên quan đến bệnh hiểm nghèo và bệnh ung thư của tất cả các Hợp đồng bảo hiểm với AIA mà một NDBH được hưởng, bao gồm cả quyền lợi ung thư theo sản phẩm này không vượt quá hạn mức tối đa theo quy định nêu tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

Lưu ý: Quyền lợi liên quan đến bệnh hiểm nghèo và bệnh ung thư tối đa theo quy định của Công ty hiện tại là 10 tỷ đồng.

6. Quyền lợi đầu tư cùng Quỹ liên kết chung

- ✓ Đầu tư cùng Quỹ liên kết chung với chiến lược đầu tư thận trọng và dài hạn nhằm mục tiêu đạt được lợi nhuận đầu tư ổn định, đồng thời đảm bảo khả năng thanh toán.
- ✓ Tỷ lệ phân bổ phí bảo hiểm vào giá trị tài khoản để hưởng quyền lợi đầu tư như sau

Năm đóng phí	1	2	3	4	Từ 5 trở đi
Tỷ lệ phân bổ đối với phí bảo hiểm cơ bản	10%	20%	70%	80%	98.5%

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 4 | 26

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

Năm đóng phí	1	2	3	4	Từ 5 trở đi
Tỷ lệ phân bổ đối với phí bảo hiểm đóng thêm	100%				

- ✓ Quyền lợi đầu tư bảo đảm: Chúng tôi cam kết mức lãi suất tối thiểu tích lũy vào tài khoản của khách hàng như sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9+
Lãi suất cam kết tối thiểu	5,0%	5,0%	4,5%	4,5%	4,0%	3,5%	3,0%	2,5%	2,0%

- ✓ Quyền lợi đầu tư không bảo đảm: Tùy theo kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy của khách hàng có thể thay đổi tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.

Mức lãi suất sẽ được Công ty công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Khách hàng tham khảo thông tin/ báo cáo về hoạt động của quỹ tại đường dẫn www.aia.com.vn/vi/san-pham/lai-suat-va-gia-don-vi-quy.html

7. Quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng (quyền lợi được bảo đảm)

Vào ngày kỷ niệm hợp đồng lần thứ mười, một khoản Thưởng duy trì hợp đồng tương đương với 100% Tổng số tiền tính thưởng sẽ được phân bổ vào GTTK cơ bản. Tương tự, vào các ngày kỷ niệm hợp đồng lần thứ 15 và 20, khoản Thưởng duy trì hợp đồng sẽ tương đương với 10% Tổng số tiền tính thưởng. Để được hưởng quyền lợi này phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện liên quan đến quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng được quy định trong Quy tắc và điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

Tổng số tiền tính thưởng là tổng khoản lãi cộng dồn được tính tại ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 6 đến ngày kỷ niệm thứ 10 trong đó khoản lãi của mỗi năm hợp đồng này sẽ được tính bằng 50% khoản lãi được tích lũy vào GTTK cơ bản trong vòng 5 năm trước đó.

8. Quyền lợi đáo hạn (quyền lợi được bảo đảm)

Khách hàng sẽ nhận được toàn bộ GTTK của hợp đồng tính tại thời điểm đáo hạn nếu HDBH còn hiệu lực và NĐBH còn sống vào thời điểm đáo hạn.

Lưu ý: Trường hợp NĐBH tử vong hoặc TTTB&VV dưới 4 (bốn) tuổi, STBH hiện tại sẽ sử dụng để chi trả được điều chỉnh như sau:

Tuổi của Người được bảo hiểm vào thời điểm tử vong hoặc bị TTTB&VV	Số tiền bảo hiểm hiện tại được điều chỉnh
Dưới 1 tuổi	20% Số tiền bảo hiểm hiện tại
Từ 1 tuổi đến dưới 2 tuổi	40% Số tiền bảo hiểm hiện tại
Từ 2 tuổi đến dưới 3 tuổi	60% Số tiền bảo hiểm hiện tại
Từ 3 tuổi đến dưới 4 tuổi	80% Số tiền bảo hiểm hiện tại

9. Quyền chuyển đổi từ Quyền lợi bảo hiểm nâng cao sang Quyền lợi bảo hiểm cơ bản

Khách hàng có thể yêu cầu chuyển đổi từ Quyền lợi bảo hiểm nâng cao sang Quyền lợi bảo hiểm cơ bản:

- ✓ Kể từ ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 (hai) và trong thời gian HDBH còn hiệu lực; và
- ✓ Trước khi NĐBH tròn 65 (sáu mươi lăm) tuổi.
- ✓ Tối đa 1 (một) lần trong suốt thời hạn hợp đồng.

10. Loại trừ bảo hiểm

Công ty sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra do bất cứ trường hợp nào được quy định cụ thể tại Quy tắc và Điều khoản (các) sản phẩm bảo hiểm mà khách hàng tham gia. Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm này được công bố trên trang thông tin điện tử www.aia.com.vn

QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

1. Quyền thay đổi STBH
2. Quyền đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm cho các sự kiện quan trọng (kết hôn, sinh con)
3. Quyền rút tiền từ Giá trị tài khoản

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 5 | 26

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

CÁC LOẠI CHI PHÍ

- Chi phí bảo hiểm rủi ro:** là chi phí để chúng tôi thực hiện cam kết đối với các quyền lợi bảo hiểm rủi ro. Phụ thuộc vào tuổi và giới tính của NĐBH, STBH và lựa chọn Quyền lợi bảo hiểm.
- Chi phí ban đầu:** là chi phí sẽ khấu trừ từ phí bảo hiểm cơ bản và phí tích lũy trước khi phân bổ vào Quỹ liên kết chung. Mức chi phí này thay đổi theo năm đóng phí

Năm đóng phí	1	2	3	4	5+
Phí bảo hiểm cơ bản	90%	80%	30%	20%	1,5%
Phí tích lũy	0%	0%	0%	0%	0%

- Chi phí quản lý hợp đồng:** 30.000 đồng/tháng (360.000 đồng/năm).
Mức chi phí này có thể thay đổi, tối đa là 60.000 đồng/tháng.
- Chi phí quản lý quỹ:** tối đa là 2%/năm tính trên giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung. Chi phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi chúng tôi công bố lãi suất tích lũy.
- Chi phí hủy bỏ hợp đồng:** Không có.
- Chi phí rút tiền từ Giá trị tài khoản:** Không có.

Các loại chi phí nêu trên có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 6 | 26

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,
HẠNH PHÚC HƠN

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

- Mục tiêu và chính sách đầu tư: đầu tư thận trọng và dài hạn nhằm mục tiêu đạt được lợi nhuận đầu tư ổn định, đồng thời đảm bảo khả năng thanh toán.
- Cơ cấu tài sản đầu tư: Nhằm đảm bảo chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ liên kết chung, Công ty sẽ lựa chọn đầu tư vào các tài sản đầu tư có khả năng mang lại lợi nhuận ổn định như trái phiếu chính phủ, trái phiếu đô thị, trái phiếu doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng.
- Lãi suất công bố trong 5 năm gần nhất:

Năm	Lãi suất công bố
Năm 2018	5,94%
Năm 2019	5,48%
Năm 2020	5,12%
Năm 2021	4,86%
Năm 2022	4,22%
Năm 2023	4,93%

Ghi chú: Kết quả hoạt động của Quỹ liên kết chung trong quá khứ chỉ cho mục đích tham khảo và không phải là cơ sở để đảm bảo chắc chắn về kết quả hoạt động trong tương lai.

- Mức chi phí quản lý quỹ để tính ra Lãi suất công bố: Chi phí quản lý quỹ tối đa là 2%/năm tính trên giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung.
- Vui lòng tham khảo Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm để có thông tin chi tiết về quyền lợi đầu tư của sản phẩm bảo hiểm.

Lưu ý:

Mức lãi suất dự kiến thể hiện trong các bảng minh họa bên dưới là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính tham khảo. **Trong trường hợp mức lãi suất dự kiến thấp hơn lãi suất Công ty cam kết tại năm hợp đồng, quyền lợi bảo hiểm của năm đó sẽ được minh họa dựa trên mức lãi suất cam kết**

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 7 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/ BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 3,3%	Mức lãi suất 4,9%
1	25.000		25.000		22.500		22.500	2.500		2.500	360	2.880	2.880	2.880
2	25.000		25.000		20.000		20.000	5.000		5.000	360	3.000	3.000	3.000
3	25.000		25.000		7.500		7.500	17.500		17.500	360	3.105	3.105	3.105
4	25.000		25.000		5.000		5.000	20.000		20.000	360	3.225	3.225	3.225
5	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.300	3.300	3.300
6	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.315	3.315	3.315
7	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.330	3.330	3.330
8	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.345	3.345	3.345
9	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.465	3.465	3.465
10	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.465	3.465	3.465
11	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.420	3.420	3.420
12	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.390	3.390	3.390
13	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.345	3.345	3.345
14	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.360	3.360	3.360
15	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.450	3.450	3.450
16	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.615	3.615	3.615
17	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.810	3.810	3.810
18	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	4.005	4.005	4.005
19	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	4.155	4.155	4.155
20	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	4.365	4.365	4.365

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 8 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYÊN SUỐT HỢP ĐỒNG**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 3,3%	Mức lãi suất 4,9%
<p align="center"><i>Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 2%)</i></p>														
21	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	4.590	4.590	4.590
25	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	5.595	5.595	5.595
30	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	8.145	8.145	8.145
35	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	14.115	14.115	14.115
40	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	24.075	24.075	24.075
45	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	33.675	33.675	33.675
50	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	52.845	52.845	52.845
55	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	69.390	69.390	69.390
60	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	110.475	110.475	110.475
65	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	171.705	171.705	171.705
67	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	(*)	203.070	203.070
68	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360		(*)	232.800
69	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360			274.425
70	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	(*)			(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 9 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYÊN SUỐT HỢP ĐỒNG**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết						
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	18	25.000	2.500		1.500.000	3.000.000	375.000				
2	19	25.000	5.000		1.501.068	3.001.068	375.000		1.068		1.068
3	20	25.000	17.500		1.515.855	3.015.855	375.000		15.855		15.855
4	21	25.000	20.000		1.533.796	3.033.796	375.000		33.796		33.796
5	22	25.000	24.625		1.557.019	3.057.019	375.000		57.019		57.019
6	23	25.000	24.625		1.580.758	3.080.758	375.000		80.758		80.758
7	24	25.000	24.625		1.604.794	3.104.794	375.000		104.794		104.794
8	25	25.000	24.625		1.628.900	3.128.900	375.000		128.900		128.900
9	26	25.000	24.625		1.652.729	3.152.729	375.000		152.729		152.729
10	27	25.000	24.625		1.707.389	3.207.389	375.000	30.355	207.389		207.389
11	28	25.000	24.625		1.732.834	3.232.834	375.000		232.834		232.834
12	29	25.000	24.625		1.758.818	3.258.818	375.000		258.818		258.818
13	30	25.000	24.625		1.785.366	3.285.366	375.000		285.366		285.366
14	31	25.000	24.625		1.812.431	3.312.431	375.000		312.431		312.431
15	32	25.000	24.625		1.842.982	3.342.982	375.000	3.035	342.982		342.982
16	33	25.000	24.625		1.870.941	3.370.941	375.000		370.941		370.941
17	34	25.000	24.625		1.899.262	3.399.262	375.000		399.262		399.262
18	35	25.000	24.625		1.927.953	3.427.953	375.000		427.953		427.953
19	36	25.000	24.625		1.957.065	3.457.065	375.000		457.065		457.065
20	37	25.000	24.625		1.989.584	3.489.584	375.000	3.035	489.584		489.584

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 10 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYÊN SUỐT HỢP ĐỒNG**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết						
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
25	42	25.000	24.625		2.142.725	3.642.725	375.000		642.725		642.725
30	47	25.000	24.625		2.302.081	3.802.081	375.000		802.081		802.081
35	52	25.000	24.625		2.455.535	3.955.535	375.000		955.535		955.535
40	57	25.000	24.625		2.580.584	4.080.584	375.000		1.080.584		1.080.584
45	62	25.000	24.625		2.666.300	4.166.300	375.000		1.166.300		1.166.300
50	67	25.000	24.625		2.676.731	2.676.731			1.176.731		1.176.731
55	72	25.000	24.625		2.596.970	2.596.970			1.096.970		1.096.970
60	77	25.000	24.625		2.354.795	2.354.795			854.795		854.795
65	82	25.000	24.625		1.810.596	1.810.596			310.596		310.596
67	84	25.000	24.625						(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 11 | 29
Phiên bản
Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3,3%						
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	18	25.000	2.500		1.500.000	3.000.000	375.000				
2	19	25.000	5.000		1.501.068	3.001.068	375.000		1.068		1.068
3	20	25.000	17.500		1.515.855	3.015.855	375.000		15.855		15.855
4	21	25.000	20.000		1.533.796	3.033.796	375.000		33.796		33.796
5	22	25.000	24.625		1.557.019	3.057.019	375.000		57.019		57.019
6	23	25.000	24.625		1.580.758	3.080.758	375.000		80.758		80.758
7	24	25.000	24.625		1.605.105	3.105.105	375.000		105.105		105.105
8	25	25.000	24.625		1.630.240	3.130.240	375.000		130.240		130.240
9	26	25.000	24.625		1.656.082	3.156.082	375.000		156.082		156.082
10	27	25.000	24.625		1.718.505	3.218.505	375.000	35.728	218.505		218.505
11	28	25.000	24.625		1.747.306	3.247.306	375.000		247.306		247.306
12	29	25.000	24.625		1.777.088	3.277.088	375.000		277.088		277.088
13	30	25.000	24.625		1.807.899	3.307.899	375.000		307.899		307.899
14	31	25.000	24.625		1.839.711	3.339.711	375.000		339.711		339.711
15	32	25.000	24.625		1.876.054	3.376.054	375.000	3.573	376.054		376.054
16	33	25.000	24.625		1.909.856	3.409.856	375.000		409.856		409.856
17	34	25.000	24.625		1.944.575	3.444.575	375.000		444.575		444.575
18	35	25.000	24.625		1.980.241	3.480.241	375.000		480.241		480.241
19	36	25.000	24.625		2.016.931	3.516.931	375.000		516.931		516.931
20	37	25.000	24.625		2.058.191	3.558.191	375.000	3.573	558.191		558.191

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 12 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYÊN SUỐT HỢP ĐỒNG**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3,3%							
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng	
<i>Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 2%)</i>												
25	42	25.000	24.625		2.218.473	3.718.473	375.000		718.473		718.473	
30	47	25.000	24.625		2.385.713	3.885.713	375.000		885.713		885.713	
35	52	25.000	24.625		2.547.871	4.047.871	375.000		1.047.871		1.047.871	
40	57	25.000	24.625		2.682.531	4.182.531	375.000		1.182.531		1.182.531	
45	62	25.000	24.625		2.778.857	4.278.857	375.000		1.278.857		1.278.857	
50	67	25.000	24.625		2.801.003	2.801.003			1.301.003		1.301.003	
55	72	25.000	24.625		2.734.177	2.734.177			1.234.177		1.234.177	
60	77	25.000	24.625		2.506.282	2.506.282			1.006.282		1.006.282	
65	82	25.000	24.625		1.977.851	1.977.851			477.851		477.851	
67	84	25.000	24.625						(*)	(*)	(*)	

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 13 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYỀN SUỐT HỢP ĐỒNG**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 4,9%						
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	18	25.000	2.500		1.500.000	3.000.000	375.000				
2	19	25.000	5.000		1.501.068	3.001.068	375.000		1.068		1.068
3	20	25.000	17.500		1.515.922	3.015.922	375.000		15.922		15.922
4	21	25.000	20.000		1.534.002	3.034.002	375.000		34.002		34.002
5	22	25.000	24.625		1.557.744	3.057.744	375.000		57.744		57.744
6	23	25.000	24.625		1.582.633	3.082.633	375.000		82.633		82.633
7	24	25.000	24.625		1.608.726	3.108.726	375.000		108.726		108.726
8	25	25.000	24.625		1.636.083	3.136.083	375.000		136.083		136.083
9	26	25.000	24.625		1.664.657	3.164.657	375.000		164.657		164.657
10	27	25.000	24.625		1.745.743	3.245.743	375.000	51.113	245.743		245.743
11	28	25.000	24.625		1.779.737	3.279.737	375.000		279.737		279.737
12	29	25.000	24.625		1.815.427	3.315.427	375.000		315.427		315.427
13	30	25.000	24.625		1.852.912	3.352.912	375.000		352.912		352.912
14	31	25.000	24.625		1.892.218	3.392.218	375.000		392.218		392.218
15	32	25.000	24.625		1.938.469	3.438.469	375.000	5.111	438.469		438.469
16	33	25.000	24.625		1.981.706	3.481.706	375.000		481.706		481.706
17	34	25.000	24.625		2.026.861	3.526.861	375.000		526.861		526.861
18	35	25.000	24.625		2.074.029	3.574.029	375.000		574.029		574.029
19	36	25.000	24.625		2.123.354	3.623.354	375.000		623.354		623.354
20	37	25.000	24.625		2.179.992	3.679.992	375.000	5.111	679.992		679.992

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 14 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ XUYÊN SUỐT HỢP ĐỒNG**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 4,9%							
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng	
<i>Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 2%)</i>												
21	38	25.000	24.625		2.213.706	3.713.706	375.000		713.706		713.706	
25	42	25.000	24.625		2.352.951	3.852.951	375.000		852.951		852.951	
30	47	25.000	24.625		2.534.188	4.034.188	375.000		1.034.188		1.034.188	
35	52	25.000	24.625		2.711.800	4.211.800	375.000		1.211.800		1.211.800	
40	57	25.000	24.625		2.863.521	4.363.521	375.000		1.363.521		1.363.521	
45	62	25.000	24.625		2.978.685	4.478.685	375.000		1.478.685		1.478.685	
50	67	25.000	24.625		3.021.630	3.021.630			1.521.630		1.521.630	
55	72	25.000	24.625		2.977.766	2.977.766			1.477.766		1.477.766	
60	77	25.000	24.625		2.775.225	2.775.225			1.275.225		1.275.225	
65	82	25.000	24.625		2.274.785	2.274.785			774.785		774.785	
70	87	25.000	24.625						(*)	(*)	(*)	

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 15 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/ BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 3,3%	Mức lãi suất 4,9%
1	25.000		25.000		22.500		22.500	2.500		2.500	360	2.880	2.880	2.880
2	25.000		25.000		20.000		20.000	5.000		5.000	360	3.000	3.000	3.000
3	25.000		25.000		7.500		7.500	17.500		17.500	360	3.105	3.105	3.105
4	25.000		25.000		5.000		5.000	20.000		20.000	360	3.225	3.225	3.225
5	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.300	3.300	3.300
6	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.315	3.315	3.315
7	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.330	3.330	3.330
8	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.345	3.345	3.345
9	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.465	3.465	3.465
10	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.465	3.465	3.465
11	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.420	3.420	3.420
12	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.390	3.390	3.390
13	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.345	3.345	3.345
14	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.360	3.360	3.360
15	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.450	3.450	3.450
16	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.615	3.615	3.615
17	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	3.810	3.810	3.810
18	25.000		25.000		375		375	24.625		24.625	360	4.005	4.005	4.005
19											360	4.155	4.155	4.155
20											360	4.365	4.365	4.365

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 16 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/ BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm BHNT		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 3,3%	Mức lãi suất 4,9%
<p align="center"><i>Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 2%)</i></p>														
21											360	4.590	4.590	4.590
25											360	5.595	5.595	5.595
30											360	8.145	8.145	8.145
35											360	14.115	14.115	14.115
40											360	24.075	24.075	24.075
45											360	33.675	33.675	33.675
50											360	52.845	52.845	52.845
52											360	(*)	61.155	61.155
54											360		(*)	64.125
57											(*)			(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 17 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết						
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	18	25.000	2.500		1.500.000	3.000.000	375.000				
2	19	25.000	5.000		1.501.068	3.001.068	375.000		1.068		1.068
3	20	25.000	17.500		1.515.855	3.015.855	375.000		15.855		15.855
4	21	25.000	20.000		1.533.796	3.033.796	375.000		33.796		33.796
5	22	25.000	24.625		1.557.019	3.057.019	375.000		57.019		57.019
6	23	25.000	24.625		1.580.758	3.080.758	375.000		80.758		80.758
7	24	25.000	24.625		1.604.794	3.104.794	375.000		104.794		104.794
8	25	25.000	24.625		1.628.900	3.128.900	375.000		128.900		128.900
9	26	25.000	24.625		1.652.729	3.152.729	375.000		152.729		152.729
10	27	25.000	24.625		1.707.389	3.207.389	375.000	30.355	207.389		207.389
11	28	25.000	24.625		1.732.834	3.232.834	375.000		232.834		232.834
12	29	25.000	24.625		1.758.818	3.258.818	375.000		258.818		258.818
13	30	25.000	24.625		1.785.366	3.285.366	375.000		285.366		285.366
14	31	25.000	24.625		1.812.431	3.312.431	375.000		312.431		312.431
15	32	25.000	24.625		1.842.982	3.342.982	375.000	3.035	342.982		342.982
16	33	25.000	24.625		1.870.941	3.370.941	375.000		370.941		370.941
17	34	25.000	24.625		1.899.262	3.399.262	375.000		399.262		399.262
18	35	25.000	24.625		1.927.953	3.427.953	375.000		427.953		427.953
19	36				1.931.948	3.431.948	375.000		431.948		431.948

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 18 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,
HẠNH PHÚC HƠN

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết						
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
20	37				1.935.811	3.435.811	375.000		435.811		435.811
25	42				1.952.643	3.452.643	375.000		452.643		452.643
30	47				1.961.502	3.461.502	375.000		461.502		461.502
35	52				1.948.796	3.448.796	375.000		448.796		448.796
40	57				1.890.391	3.390.391	375.000		390.391		390.391
45	62				1.773.559	3.273.559	375.000		273.559		273.559
50	67				1.560.360	1.560.360			60.360		60.360
52	69								(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 19 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3,3%						
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	18	25.000	2.500		1.500.000	3.000.000	375.000				
2	19	25.000	5.000		1.501.068	3.001.068	375.000		1.068		1.068
3	20	25.000	17.500		1.515.855	3.015.855	375.000		15.855		15.855
4	21	25.000	20.000		1.533.796	3.033.796	375.000		33.796		33.796
5	22	25.000	24.625		1.557.019	3.057.019	375.000		57.019		57.019
6	23	25.000	24.625		1.580.758	3.080.758	375.000		80.758		80.758
7	24	25.000	24.625		1.605.105	3.105.105	375.000		105.105		105.105
8	25	25.000	24.625		1.630.240	3.130.240	375.000		130.240		130.240
9	26	25.000	24.625		1.656.082	3.156.082	375.000		156.082		156.082
10	27	25.000	24.625		1.718.505	3.218.505	375.000	35.728	218.505		218.505
11	28	25.000	24.625		1.747.306	3.247.306	375.000		247.306		247.306
12	29	25.000	24.625		1.777.088	3.277.088	375.000		277.088		277.088
13	30	25.000	24.625		1.807.899	3.307.899	375.000		307.899		307.899
14	31	25.000	24.625		1.839.711	3.339.711	375.000		339.711		339.711
15	32	25.000	24.625		1.876.054	3.376.054	375.000	3.573	376.054		376.054
16	33	25.000	24.625		1.909.856	3.409.856	375.000		409.856		409.856
17	34	25.000	24.625		1.944.575	3.444.575	375.000		444.575		444.575
18	35	25.000	24.625		1.980.241	3.480.241	375.000		480.241		480.241
19	36				1.991.493	3.491.493	375.000		491.493		491.493

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 20 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,
HẠNH PHÚC HƠN

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3,3%						
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
20	37				2.002.903	3.502.903	375.000		502.903		502.903
<p>Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 2%)</p>											
21	38				2.007.958	3.507.958	375.000		507.958		507.958
25	42				2.026.719	3.526.719	375.000		526.719		526.719
30	47				2.043.288	3.543.288	375.000		543.288		543.288
35	52				2.039.094	3.539.094	375.000		539.094		539.094
40	57				1.990.087	3.490.087	375.000		490.087		490.087
45	62				1.883.631	3.383.631	375.000		383.631		383.631
50	67				1.681.889	1.681.889			181.889		181.889
54	71								(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 21 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 4,9%						
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	18	25.000	2.500		1.500.000	3.000.000	375.000				
2	19	25.000	5.000		1.501.068	3.001.068	375.000		1.068		1.068
3	20	25.000	17.500		1.515.922	3.015.922	375.000		15.922		15.922
4	21	25.000	20.000		1.534.002	3.034.002	375.000		34.002		34.002
5	22	25.000	24.625		1.557.744	3.057.744	375.000		57.744		57.744
6	23	25.000	24.625		1.582.633	3.082.633	375.000		82.633		82.633
7	24	25.000	24.625		1.608.726	3.108.726	375.000		108.726		108.726
8	25	25.000	24.625		1.636.083	3.136.083	375.000		136.083		136.083
9	26	25.000	24.625		1.664.657	3.164.657	375.000		164.657		164.657
10	27	25.000	24.625		1.745.743	3.245.743	375.000	51.113	245.743		245.743
11	28	25.000	24.625		1.779.737	3.279.737	375.000		279.737		279.737
12	29	25.000	24.625		1.815.427	3.315.427	375.000		315.427		315.427
13	30	25.000	24.625		1.852.912	3.352.912	375.000		352.912		352.912
14	31	25.000	24.625		1.892.218	3.392.218	375.000		392.218		392.218
15	32	25.000	24.625		1.938.469	3.438.469	375.000	5.111	438.469		438.469
16	33	25.000	24.625		1.981.706	3.481.706	375.000		481.706		481.706
17	34	25.000	24.625		2.026.861	3.526.861	375.000		526.861		526.861
18	35	25.000	24.625		2.074.029	3.574.029	375.000		574.029		574.029
19	36				2.097.523	3.597.523	375.000		597.523		597.523

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:
Đại lý bảo hiểm:
Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 22 | 29

Phiên bản
Dãy số kiểm tra



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,
HẠNH PHÚC HƠN

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 4,9%						
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
20	37				2.121.952	3.621.952	375.000		621.952		621.952
<p>Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên. Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 2%)</p>											
21	38				2.129.387	3.629.387	375.000		629.387		629.387
25	42				2.158.158	3.658.158	375.000		658.158		658.158
30	47				2.188.407	3.688.407	375.000		688.407		688.407
35	52				2.199.318	3.699.318	375.000		699.318		699.318
40	57				2.166.987	3.666.987	375.000		666.987		666.987
45	62				2.078.943	3.578.943	375.000		578.943		578.943
50	67				1.897.529	1.897.529			397.529		397.529
55	72				1.605.956	1.605.956			105.956		105.956
57	74								(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 23 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Phí BH sản phẩm BHNT			Phí BH sản phẩm BHBS/ BHBK	Phí ban đầu			Phí BH sản phẩm chính đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro sản phẩm chính		
	Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí BH		Phí BH cơ bản	Phí BH đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí BH đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí BH đem đi đầu tư		Mức lãi suất cam kết	Mức lãi suất 3,3%	Mức lãi suất 4,9%
1	25.000		25.000		22.500		22.500	2.500		2.500	360	2.880	2.880	2.880
2	25.000		25.000		20.000		20.000	5.000		5.000	360	3.000	3.000	3.000
3	25.000		25.000		7.500		7.500	17.500		17.500	360	3.105	3.105	3.105
4	25.000		25.000		5.000		5.000	20.000		20.000	360	3.225	3.225	3.225
5											360	3.300	3.300	3.300
6											360	3.315	3.315	3.315
7											360	3.330	3.330	3.330
8											360	3.345	3.345	3.345
9											360	3.465	3.465	3.465
10											360	3.465	3.465	3.465
11											360	3.420	3.420	3.420
12											360	3.390	3.390	3.390
13											360	3.345	3.345	3.345
14											360	3.360	3.360	3.360
15											360	(*)	(*)	3.450
16											(*)			(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 24 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết						
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	18	25.000	2.500		1.500.000	3.000.000	375.000				
2	19	25.000	5.000		1.501.068	3.001.068	375.000		1.068		1.068
3	20	25.000	17.500		1.515.855	3.015.855	375.000		15.855		15.855
4	21	25.000	20.000		1.533.796	3.033.796	375.000		33.796		33.796
5	22				1.531.409	3.031.409	375.000		31.409		31.409
6	23				1.528.764	3.028.764	375.000		28.764		28.764
7	24				1.525.878	3.025.878	375.000		25.878		25.878
8	25				1.522.770	3.022.770	375.000		22.770		22.770
9	26				1.519.359	3.019.359	375.000		19.359		19.359
10	27				1.515.879	3.015.879	375.000		15.879		15.879
11	28				1.512.376	3.012.376	375.000		12.376		12.376
12	29				1.508.833	3.008.833	375.000		8.833		8.833
13	30				1.505.265	3.005.265	375.000		5.265		5.265
14	31				1.501.610	3.001.610	375.000		1.610		1.610
15	32								(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 25 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3,3%						
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	18	25.000	2.500		1.500.000	3.000.000	375.000				
2	19	25.000	5.000		1.501.068	3.001.068	375.000		1.068		1.068
3	20	25.000	17.500		1.515.855	3.015.855	375.000		15.855		15.855
4	21	25.000	20.000		1.533.796	3.033.796	375.000		33.796		33.796
5	22				1.531.409	3.031.409	375.000		31.409		31.409
6	23				1.528.764	3.028.764	375.000		28.764		28.764
7	24				1.525.958	3.025.958	375.000		25.958		25.958
8	25				1.523.044	3.023.044	375.000		23.044		23.044
9	26				1.519.911	3.019.911	375.000		19.911		19.911
10	27				1.516.675	3.016.675	375.000		16.675		16.675
11	28				1.513.378	3.013.378	375.000		13.378		13.378
12	29				1.510.003	3.010.003	375.000		10.003		10.003
13	30				1.506.562	3.006.562	375.000		6.562		6.562
14	31				1.502.992	3.002.992	375.000		2.992		2.992
15	32								(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 26 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN
THEO THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC**

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng phí bảo hiểm sản phẩm BHNT	Phí sản phẩm BHNT đem đi đầu tư	Phí bảo hiểm sản phẩm BHBS/ BHBK	Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 4,9%						
					Quyền lợi TTTB&VV (đến 70 tuổi) / Tử vong	Quyền lợi tử vong do tai nạn đến 65 tuổi	Quyền lợi bảo hiểm bệnh Ung thư đến 65 tuổi	Thưởng duy trì đóng phí	GTTK cơ bản của hợp đồng	GTTK đóng thêm của hợp đồng	GTTK của hợp đồng
1	18	25.000	2.500		1.500.000	3.000.000	375.000				
2	19	25.000	5.000		1.501.068	3.001.068	375.000		1.068		1.068
3	20	25.000	17.500		1.515.922	3.015.922	375.000		15.922		15.922
4	21	25.000	20.000		1.534.002	3.034.002	375.000		34.002		34.002
5	22				1.531.912	3.031.912	375.000		31.912		31.912
6	23				1.529.704	3.029.704	375.000		29.704		29.704
7	24				1.527.372	3.027.372	375.000		27.372		27.372
8	25				1.524.911	3.024.911	375.000		24.911		24.911
9	26				1.522.205	3.022.205	375.000		22.205		22.205
10	27				1.519.368	3.019.368	375.000		19.368		19.368
11	28				1.516.437	3.016.437	375.000		16.437		16.437
12	29				1.513.394	3.013.394	375.000		13.394		13.394
13	30				1.510.247	3.010.247	375.000		10.247		10.247
14	31				1.506.932	3.006.932	375.000		6.932		6.932
15	32				1.503.361	3.003.361	375.000		3.361		3.361
16	33								(*)	(*)	(*)

(*) Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 27 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,
HẠNH PHÚC HƠN

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

Lưu ý:

- 1- Giá trị tài khoản cơ bản, Khoản thưởng duy trì đóng phí và Giá trị tài khoản đóng thêm được tính tại cuối mỗi năm hợp đồng. Giá trị tài khoản được minh họa dựa trên phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn.
- 2- Lãi suất dự kiến chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho khách hàng trong tương lai, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu
- 3- Giá trị tài khoản hợp đồng có liên hệ chặt chẽ với quyền lợi bảo hiểm của khách hàng, khách hàng cần hiểu rõ các quyền lợi trong hợp đồng, thời gian đóng phí dự kiến, các loại chi phí, lãi suất đầu tư và ảnh hưởng của các yếu tố này đến giá trị tài khoản.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 28 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,
HẠNH PHÚC HƠN

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Tôi xác nhận đã được đại diện được ủy quyền của Công ty tiến hành phân tích nhu cầu, tư vấn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cụ thể các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm nói trên. Tôi theo đây xác nhận rằng đã hiểu rõ các đặc điểm của sản phẩm **Bảo hiểm Liên kết chung An Phúc Trọn Đời Ưu Việt – Quyền lợi bảo hiểm nâng cao** cũng như toàn bộ nội dung của Bảng minh họa này và đồng ý tham gia do nhận thấy Hợp đồng bảo hiểm này phù hợp với nhu cầu của tôi.

Tôi cũng hiểu rõ rằng:

- Tham gia Hợp đồng Bảo hiểm Liên kết chung An Phúc Trọn Đời Ưu Việt là một cam kết dài hạn. Việc hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.
- Bảng minh họa này là một phần của hợp đồng bảo hiểm và chỉ có giá trị khi có đầy đủ số trang. Bên mua bảo hiểm cần tuân thủ các quy định tại hợp đồng bảo hiểm để bảo đảm quyền và lợi ích khi tham gia bảo hiểm, đặc biệt là nghĩa vụ về đóng phí và kê khai thông tin.
- Khi hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực do không đóng đủ phí bảo hiểm cơ bản theo yêu cầu trong 4 năm đầu tiên, không có quyền lợi bảo hiểm nào được chi trả. Việc rút tiền từ GTTK hợp đồng và/hoặc thay đổi kế hoạch đóng phí sẽ làm ảnh hưởng đến GTTK hợp đồng và ảnh hưởng đến hiệu lực hợp đồng.
- Mức lãi suất dự kiến thể hiện bên trên là mức lãi suất đã trừ chi phí quản lý quỹ và chỉ mang tính tham khảo. Mức lãi suất thực tế có thể khác với mức lãi suất dự kiến, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.

Bên mua bảo hiểm

Số CMND/Căn cước công dân/
Hộ chiếu/Mã số doanh nghiệp

Xác nhận

Ngày/tháng/năm

Tôi, đại diện được ủy quyền của Công ty xác nhận dưới đây cam kết đã giải thích và tư vấn đầy đủ cho khách hàng có tên nêu trên về sản phẩm **Bảo hiểm Liên kết chung An Phúc Trọn Đời Ưu Việt – Quyền lợi bảo hiểm nâng cao** và nội dung Bảng minh họa này.

Đại lý bảo hiểm/Chuyên viên tư vấn bảo hiểm

Văn phòng

Xác nhận

Ngày/tháng/năm

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Trang 29 | 29

Phiên bản

Dãy số kiểm tra